

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Giáo trình TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 12.6.2021

THÂN CẬN BẠN LÀNH ĐƯỢC NHIỀU LỢI LẠC
Kinh Với Người Thiện (Sabbhisuttam)
CHƯƠNG I. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN, PHẨM QUẦN TIÊN (S.i 16)

Một nhóm chư thiên được gọi là “quần tiên ca ngợi thiện pháp (satullapakāyikā). Sở dĩ có tên này vì tiền kiếp của những vị thiên này khi còn là nhân loại là những thương buôn đi trên một chiếc thuyền bị tai nạn sắp chìm giữa biển khơi. Giữa cảnh tượng hoảng loạn khi cả thuyền sắp chết giữa sóng gió thì một người ngời thiện với sự thanh thản. Khi được hỏi tại sao có thể bình tâm như vậy thì người đó cho biết vì đã thọ trì năm giới và nương tựa Tam Bảo. Tất cả mọi người gồm bảy nhóm đồng xin thọ trì tương tự và mệnh chung với tâm trong sạch. Do những giây phút lâm chung hiền thiện những vị ấy sanh lên cõi trời Đao Lợi. Nhớ lại kiếp quá khứ những vị này thường xưng tán Phật, Pháp, Tăng.



Kinh Văn

Evam me sutam

1) Như vậy tôi nghe.

ekam samayaṃ Bhagavā sāvatthiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme.

Một thời Thế Tôn ở Sāvattihī (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Atha kho sambahulā satullapakāyikā devatāyo abhikkantāya rattiyā abhikkantavaṇṇā kevalakappaṃ jetavanaṃ obhāsetvā yena Bhagavā tenupasaṅkamimsu upasaṅkamitvā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ aṭṭhaṃsu.

2) Rồi rất nhiều quần tiên Satullapa, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

Ekamantaṃ ṭhitā kho ekā devatā bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi :

3) Đứng một bên, một vị Thiên nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

***"Sabbhireva samāsetha,
sabbhi kubbetha [krubbetha (ka.)] santhavaṃ.
Sataṃ saddhamamaññāya,
seyyo hoti na pāpiyoti..***

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Được tốt hơn, không xấu.*

Bản hiệu đính:

*Chỉ gần với người thiện
Hãy thân thiết bạn lành
Học diệu pháp người hiền
Chỉ tốt hơn, không xấu*

Atha kho aparā devatā bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi :

4) Rồi một vị Thiên khác lại nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

***"Sabbhireva samāsetha,
sabbhi kubbetha santhavaṃ.
Sataṃ saddhamamaññāya,
paññā labbhati [paññaṃ labhati (syā. kaṃ.)] nāññatoti..***

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Được tuệ, không gì khác.*

Bản hiệu đính:

*Chỉ gần với người thiện
Hãy thân thiết bạn lành
Học diệu pháp người hiền
Phát tuệ. Không do khác (...)*

Atha kho aparā devatā bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi :
5) Rồi một vị Thiên khác lại nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

***"Sabbhireva samāsetha,
sabbhi kubbetha santhavaṃ.
Sataṃ saddhamamaññāya,
sokamajjhe na socatīti..***

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Không sầu, giữa sầu muộn.*

Bản hiệu đính:

*Chỉ gần với người thiện
Hãy thân thiết bạn lành
Học diệu pháp người hiền
Không sầu giữa người sầu*

Atha kho aparā devatā bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi :
6) Rồi một vị Thiên khác lại nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

***"Sabbhireva samāsetha,
sabbhi kubbetha santhavaṃ.
Sataṃ saddhamamaññāya,
ñātimajjhe virocātīti..***

*Hãy thân với người lành
Hãy gần gũi người thiện
Biết diệu pháp người hiền,
Chói sáng giữa quuyền thuộc*

Bản hiệu đính:

*Chỉ gần với người thiện
Hãy thân thiết bạn lành
Học diệu pháp người hiền
Chói sáng giữa quuyền thuộc*

Atha kho aparā devatā bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi :
7) Rồi một vị Thiên khác lại nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

***"Sabbhireva samāsetha,
sabbhi kubbetha santhavaṃ.
Sataṃ saddhamamaññāya,
sattā gacchanti suggatinti..***

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Chúng sanh sanh thiện thú.*

Bản hiệu đính:

*Chỉ gần với người thiện
Hãy thân thiết bạn lành
Học diệu pháp người hiền
Hữu tình sanh cõi vui*

Atha kho aparā devatā bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi :
8) Rồi một vị Thiên khác lại nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

***"Sabbhireva samāsetha,
sabbhi kubbetha santhavaṃ.
Sataṃ saddhamamaññāya,
sattā tiṭṭhanti sātātanti..***

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Chúng sanh thường hưởng lạc.*

Bản hiệu đính:

*Chỉ gần với người thiện
Hãy thân thiết bạn lành
Học diệu pháp người hiền
Chúng sanh thường an lạc.*

Atha kho aparā devatā bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi :

9) Rồi một vị Thiên khác bạch Thế Tôn:

Atha kho aparā devatā bhagavantam etadavoca : "kassa nu kho, Bhagavā, subhāsanti?"

-- Bạch Thế Tôn, trong tất cả vị ấy, ai đã nói lên một cách tốt đẹp?

sabbāsaṃ vo subhāsitaṃ pariyāyena, api ca mamapi suṇātha :

-- Về vấn đề này, tất cả các Ông đều nói lên một cách tốt đẹp. Tuy vậy, hãy nghe lời Ta nói:

*"Sabbhireva samāsetha,
sabbhi kubbetha santhavaṃ.
Sataṃ saddhamamaññāya,
sabbadukkhā pamuccatīti..*

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Giải thoát mọi khổ đau.*

Bản hiệu đính:

*Chỉ gần với người thiện
Hãy thân thiết bạn lành
Học diệu pháp người hiền
Giải thoát tất cả khổ*

Idamavoca Bhagavā. Attamanā tū devatāyo bhagavantam abhivādetvā padakkhiṇaṃ katvā tatthevantaradhāyimsūti.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Quần Thiên ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.



Thích văn

Sabbhi: người thiện trí, người có phẩm hạnh và hiểu biết

Sabbhireva samāsetha: Hãy nên chỉ thân cận với người thiện trí

kubbetha santhavaṃ: thân thiết

Sataṃ saddhammaññāya: học hỏi được cái hay (chân pháp)

seyyo hoti na pāpiyoti: chỉ tốt hơn chứ không xấu

paññā labbhati nāññatoti: được sáng suốt (từ sự thân cận người thiện trí) chứ không thể ngược lại (từ sự thân cận kẻ ác)

sokamajjhe na socatīti.: không sàu muộn giữa những người sàu muộn.

ñātimajjhe virocātīti: chói sáng giữa thân nhân quyền thuộc

sattā gacchanti suggatinti: loài hữu tình sanh vào cảnh giới an lạc.

sattā tiṭṭhanti sātātanti: chúng sanh thường an lạc

sabbadukkhā pamuccatīti: giải thoát tất cả khổ



Thích nghĩa

Thân cận (samāsetha) mang ý nghĩa là giao thiệp qua lại trong lúc sự thân thiết (kubbetha santhava) nói lên sự liên hệ mật thiết.

Được sáng suốt (từ sự thân cận người thiện trí) chứ không thể ngược lại (từ sự thân cận kẻ ác) (paññā labbhati nāññatoti) theo Sớ giải thì giống như câu nói: dầu chỉ có thể chiết xuất từ mè nhưng không thể lấy từ cát. Trí tuệ có thể thành tựu sự thân cận bạn thiện trí chứ không phải từ sự thân cận kẻ ngu.

Giải thoát tất cả khổ (sabbadukkhā pamuccatīti) mang ý nghĩa tương tự như câu Phật ngôn “thân cận bạn lành là toàn phần của phạm hạnh bởi vì sự ảnh hưởng thiện hừ từ cái nhìn đến hành trì và thành quả trong sự tu tập.

Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu

Biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng

-ooOoo-

1. Sabbhisuttam [Mūla]

31. Evaṃ me sutam : ekaṃ samayaṃ **Bhagavā** sāvattiyam viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Atha kho sambahulā satullapakāyikā devatāyo abhikkantāya rattiyā abhikkantavaṇṇā kevalakappaṃ jetavanam obhāsetvā yena **Bhagavā** tenupasaṅkamimsu upasaṅkamitvā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ aṭṭhamasu. Ekamantaṃ t̥hitā kho ekā devatā bhagavato santike imaṃ gātham abhāsi :

"Sabbhireva samāsetha, sabbhi kubbetha [krubbetha (ka.)] santhavaṃ.

Sataṃ saddhammamaññāya, seyyo hoti na pāpiyoti.. Atha kho aparā devatā bhagavato santike imaṃ gātham abhāsi :

"Sabbhireva samāsetha, sabbhi kubbetha santhavaṃ.

Sataṃ saddhammamaññāya, paññā labbhati [paññaṃ labhati (syā. kaṃ.)] nāññatoti.. Atha kho aparā devatā bhagavato santike imaṃ gātham abhāsi :

"Sabbhireva samāsetha, sabbhi kubbetha santhavaṃ.

Sataṃ saddhammamaññāya, sokamajjhe na socatīti.. Atha kho aparā devatā bhagavato santike imaṃ gātham abhāsi :

"Sabbhireva samāsetha, sabbhi kubbetha santhavaṃ.

Sataṃ saddhammamaññāya, ñātimajjhe virocātīti.. Atha kho aparā devatā bhagavato santike imaṃ gātham abhāsi :

"Sabbhireva samāsetha, sabbhi kubbetha santhavaṃ.

Sataṃ saddhammamaññāya, sattā gacchanti suggatinti.. Atha kho aparā devatā bhagavato santike imaṃ gātham abhāsi :

"Sabbhireva samāsetha, sabbhi kubbetha santhavaṃ.

Sataṃ saddhammamaññāya, sattā tiṭṭhanti sātātanti.. Atha kho aparā devatā bhagavantam etadavoca : "kassa nu kho, **Bhagavā**, subhāsītanti? sabbāsam vo subhāsitaṃ pariyāyena, api ca mamapi suṇātha :

"Sabbhireva samāsetha, sabbhi kubbetha santhavaṃ.

Sataṃ saddhammamaññāya, sabbadukkhā pamuccatīti.. Idamavoca **Bhagavā**. Attamanā tā devatāyo bhagavantam abhivādetvā padakkhiṇam katvā tatthevantaradhāyimsūti.

1. Sabbhisuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

31. Satullapakāyikavaggassa paṭhame **satullapakāyikā**ti satam dhammam samādānavasena ullapetvā sagge nibbattāti satullapakāyikā. Tatridam vatthu – sambahulā kira samuddavāṇijā nāvāya samuddam pakkhandimsu. Tesam khittasaravegena gacchantiyā nāvāya sattame divase samuddamajjhe mahantam uppātikam pātubhūtam, mahāūmiyo utṭahitvā nāvam udakassa pūrenti. Nāvāya nimujjamānāya mahājano attano attano devatānam nāmāni gahetvā āyācanādīni karonto paridevi. Tesam majjhe eko puriso – “atthi nu kho me evarūpe bhaye patiṭṭhā”ti āvajjento attano parisuddhāni saraṇāni ceva sīlāni ca disvā yogī viya pallaṅkam ābhujitvā nisīdi. Tamenam itare sabhayakāraṇam pucchimsu. So tesam kathesi – “ambho aham nāvam abhirūhanadivase bhikkhusaṅghassa dānam datvā saraṇāni ceva sīlāni ca aggahesiṃ, tena me bhayam natthi”ti. Kiṃ pana sāmi etāni aññesampi vattantīti? Āma vattantīti tena hi amhākampi dethāti. So te manusse satam satam katvā satta koṭṭhāse akāsi, tato pañcasīlāni adāsi. Tesu paṭhamam jaṅghasatam gopphakamatte uduke tṭhitam aggahesi, dutiyam jāṇumatte, tatiyam kaṭimatte, catuttham nābhimate, pañcamam thanamate, chatṭham galappamāṇe, sattamam mukhena loṇodake pavisante aggahesi. So tesam sīlāni datvā – “aññam tumhākam paṭisaraṇam natthi, sīlameva āvajjethā”ti ugghosesi. Tāni sattapi jaṅghasatāni tattha kālam katvā āsannakāle gahitasīlam nissāya tāvatimsabhavane nibbattimsu, tesam ghaṭāvāseneva vimānāni nibbattimsu. Sabbesam majjhe ācariyassa yojanasatikam suvaṇṇavimānam nibbatti, avasenāni tassa parivārāni hutvā sabbahetṭhimam dvādasayojanikam ahosi. Te nibbattakkaṇeyeva kammam āvajjentā ācariyam nissāya sampattilābham ṇatvā, “gacchāma tāva, dasabalassa santike amhākam ācariyassa vaṇṇam katheyāmā”ti majjhimayāmasamanantare bhagavantam upasaṅkamimsu, tā devatā ācariyassa vaṇṇabhaṇanattham ekekam gātham abhāsimsu.

Tattha **sabbhirevā**ti paṇḍitehi, sappurisehi eva. Ra-kāro padasandhikaro. **Samāsethā**ti saha nisīdeyya. Desanāsīsameva cetam, sabbairiyāpathe sabbhireva saha kubbeyyāti attho. **Kubbethā**ti kareyya. **Santhavanti** mittasanthavam. Taṇhāsanthavo pana na kenaci saddhim kātabbo, mittasanthavo buddha-pacceka-buddha-buddhasāvakehi saha kātabbo. Idam sandhāyetam vuttam. **Satanti** buddhādīnam sappurisānam. **Saddhammanti** pañcasīladasasīlacatusatipatṭhānādibhedam saddhammam, idha pana pañcasīlam adhippetam. **Seyyo hotīti** vadḍhi hoti. **Na pāpiyoti** lāmakam kiñci na hoti. **Nāññatoti** vālikādīhi telādīni viya aññato andhabālato paññā nāma na labbhati, tilādīhi pana telādīni viya satam dhammam ṇatvā paṇḍitameva sevanto bhajanto labhatīti. **Sokamajjheti** sokavatthūnam sokānugatānam vā sattānam majjagato na

socati bandhulamallasenāpatissa upāsikā viya, pañcannaṃ corasatānaṃ majjhe dhammasenāpatissa saddhivihāriko saṃkiccasāmaṇero viya ca.

Ñātimajjhe virocātīti ñātigaṇamajjhe saṃkiccatherassa saddhivihāriko adhimuttakasāmaṇero viya sobhati. So kira therassa bhāgineyyo hoti, atha naṃ thero āha – “sāmaṇera, mahallakosi jāto, gaccha, vassāni pucchitvā ehi, upasampādessāmi ta”nti. So “sādhū”ti theram vanditvā pattacīvaramādāya coraṭaviyā orabhāge bhaginigāmaṃ gantvā piṇḍāya cari, taṃ bhaginī disvā vanditvā gehe nisīdāpetvā bhojesi. So katabhattakicco vassāni pucchi. Sā “ahaṃ na jānāmi, mātā me jānātī”ti āha. Atha so “tiṭṭhatha tumhe, ahaṃ mātusantikam gamissāmi”ti aṭaviṃ otiṇṇo. Tamenam dūratova corapuriso disvā corānaṃ ārocesi. Corā “sāmaṇero kireko aṭaviṃ otiṇṇo, gacchatha naṃ ānethā”ti āṇāpetvā ekacce “mārema na”nti āhaṃsu, ekacce vissajjemāti. Sāmaṇero cintesi – “ahaṃ sekho sakaraṇīyo, imehi saddhim mantetvā sothhimattānaṃ karissāmi”ti corajeṭṭhakaṃ āmantetvā, “upamaṃ te, āvuso, karissāmi”ti imā gāthā abhāsi –

“Ahu atītamaddhānaṃ, araññasmiṃ brahāvane;

Ceto kūṭāni oḍḍetvā, sasakaṃ avadhī tadā.

“Sasakañca matam disvā, ubbiggā migapakkhino;

Ekarattim apakkāmuṃ, ‘akiccaṃ vattate idha’.

“Tatheva samaṇam hantvā, adhimuttam akiñcanaṃ;

Addhikā nāgamissanti, dhanajāni bhavissatī”ti.

“Saccam kho samaṇo āha, adhimutto akiñcano;

Addhikā nāgamissanti, dhanajāni bhavissati.

“Sace paṭipathe disvā, nārocessasi kassaci;

Tava saccamanurakkhanto, gaccha bhante yathāsukha”nti.

So tehi corehi vissajjito gacchanto ñātayopi disvā tesampi na ārocesi. Atha te anuppatte corā gahetvā viheṭṭhayiṃsu, uram paharivā paridevamānañcassa mātaram corā etadavocum –

“Kiṃ te hoti adhimutto, udare vasiko asi;

Putṭhā me amma akkhāhi, katham jānemu taṃ maya”nti.

“Adhimuttassa ahaṃ mātā, ayañca janako pitā;

Bhaginī bhātaro cāpi, sabbeva idha ñātayo.

“Akiccakārī adhimutto, yaṃ disvā na nivāraye;

Etam kho vattam samaṇānaṃ, ariyānaṃ dhammajīvinam.

“Saccavādī adhimutto, yaṃ disvā na nivāraye;

Adhimuttassa suciṇṇena, saccavādissa bhikkhuno;

Sabbeva abhayaṃ pattā, sothim gacchantu ñātayo”ti.

Evam te corehi vissajjitā gantvā adhimuttam āhaṃsu –

“Tava tāta suciṇṇena, saccavādissa bhikkhuno;

Sabbeva abhayaṃ pattā, sothim paccāgamamhase”ti.

Tepi pañcasatā corā pasādaṃ āpajjitvā adhimuttassa sāmaṇerassa santike pabbajimsu. So te ādāya upajjhāyassa santikaṃ gantvā paṭhamam attanā upasampanno pacchā te pañcasate attano antevāsike katvā upasampādesi. Te adhimuttatherassa ovāde ṭhitā sabbe aggaphalaṃ arahattaṃ pāpuṃsu. Imamatthaṃ gahetvā devatā “sataṃ saddhammamaññāya ñātimajjhe virocatī”ti āha.

Sātatanti satataṃ sukhaṃ vā ciraṃ tiṭṭhantīti vadati. **Sabbāsaṃ** voti sabbāsaṃ tumhākaṃ. **Pariyā**enāti kāraṇena. **Sabbadukkhā** pamuccatīti, na kevalam seyyova hoti, na ca kevalam paññaṃ labhati, sokamajjhe na socati, ñātimajjhe virocati, sugatiyaṃ nibbattati, ciraṃ sukhaṃ tiṭṭhati, sakalasmā pana vaṭṭadukkhāpi muccatīti. Paṭhamam.